

KỶ NGUYÊN ĐẠO LỊCH CAO ĐÀI
THỨ 100

Tùng Thiên Từ Bạch Hạc

2023

KỶ NGUYÊN LỊCH ĐẠO CAO ĐÀI

THỨ 100

Năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng cơ bút mở ra tại miền Nam Việt Nam một nền tôn giáo mới gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay Đạo Cao Đài, để cứu vớt nhơn sanh trong thời Hạ Nguơn mạt kiếp, trước khi có cuộc Tận Thế và Hội Long Hoa. Có ba ngày lễ rất quan trọng trong lịch sử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

I. NGÀY LẬP TỜ KHAI ĐẠO 23. 8 BÍNH DẦN (29/9/1926)

Ngày 23-8-Bính Dần (29-9-1926), các môn đệ gồm cả thầy 247 tín đồ nam nữ họp đại hội tại nhà Ông Nguyễn Văn Tường, Thông Ngôn Sở Tuần Cảnh Sài Gòn, ở đường Gallieni (nay là đường Trần Hưng Đạo, Quận I Sài Gòn). Tất cả môn đệ đều đồng ý ký tên vào Tờ Khai Đạo do Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt dự thảo bằng tiếng Pháp.

- Sau đó, quý Ngài lập đàn cơ tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để dâng Tờ Khai Đạo lên cho Đức Chí Tôn duyệt xét. Đức Chí Tôn giáng phê:

"Mấy con không nói một điều gì đến Thầy hết, nhưng thôi kệ, cứ gởi đi. Thầy dặn con, Trung, nội thứ năm tuần tới, phải đến Le Fol mà khai cho kịp nghe!"

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt tuân lệnh Đức Chí Tôn, chờ đến thứ năm tuần tới là ngày 7-10-1926 (1-9-Bính Dần), Ngài đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho Ông Le Fol và được Ông Le Fol tiếp nhận.

Từ đó, một số vị đặt tên ngày 23-8-Bính Dần là ngày KHAI TỊCH ĐẠO. Từ ngữ Tịch Đạo dùng ở đây có nghĩa là Bộ sổ ghi chép tên họ những người theo Đạo. Nhưng đối với Đạo Cao Đài chúng ta, từ ngữ Tịch Đạo mà Đức Chí Tôn ban cho trong bài Thánh Ngôn ngày 1-7-Bính Dần có một ý nghĩa đặc biệt hơn, nó là Thánh danh của Chức sắc trong một đời Giáo Tông, qua đời Giáo Tông khác thì Tịch Đạo cũng thay đổi theo. Như đời Giáo Tông thứ 1, Tịch Đạo của Chức sắc là Thanh Hương, Thánh danh Chức sắc nam phái lấy chữ Thanh và Chức sắc nữ phái lấy chữ Hương.

Chúng ta thấy danh sách của 247 vị trong danh sách kèm theo điều biên thể danh và chức vụ ở ngoài Đời, không ai biên Thánh danh cả, mặc dầu lúc đó, chư Chức sắc đã có Thánh danh rồi.

Cho nên ngày 23/8 Bính Dần nên **gọi chánh danh là ngày LẬP TỜ KHAI ĐẠO.**

Khi nói Khai tịch Đạo, hai chữ Khai tịch này gọi cho chúng ta nhớ tới bốn chữ khai thiên tịch địa 開天 闢地 nghĩa là tạo lập vũ trụ (the creation). Ở đây, khai và tịch đồng nghĩa là mở ra, tạo lập (to open up, to found, to establish, to create).

Vậy, ngày Khai tịch Đạo tức là ngày thành lập tôn giáo Cao Đài (Caodai Foundation Day) bằng cách đăng ký với chánh quyền theo đúng thủ tục pháp lý quy định để có tư cách pháp nhân (legal entity) cho

nền tôn giáo.

II. NGÀY ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO 15.10 BÌNH DÀN (19.11.1926)

Ngày 15-10-Bình Dàn là ngày Hội Thánh làm Đại Lễ Khai Đạo tại Chùa Gò Kén, tức là ngày mà Đạo Cao Đài chánh thức ra mắt quốc dân đồng bào và các dân tộc trên thế giới. Đây là một ngày rất trọng đại, vì nó mở ra một kỷ nguyên mới là kỷ nguyên ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.

Ngày tổ chức Đại Lễ Khai Đạo được Đức Chí Tôn ấn định là ngày rằm Hạ nguon năm Bình Dàn (15-10-Bình Dàn), tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, Tây Ninh.

Theo giấy phép ngày 15-7-1925 của chủ tỉnh Tây Ninh, chùa Thiên Lâm cất tại Gò Kén (nay tại số 5/11, ấp Long Trung, xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh). Trụ trì là Hòa Thượng Như Nhãn tức Thích Từ Phong.

Cuối tháng 8-1926, Hòa Thượng Như Nhãn bằng lòng cho các vị tiên khai đạo Cao Đài mượn chùa Thiên Lâm (cất dở dang) để làm thánh thất Thiên Lâm (cũng gọi thánh thất Từ Lâm, chùa Gò Kén). Kể từ đầu tháng 9-1926 các vị tiên khai Cao Đài dốc tiền của và tâm sức vào sửa sang thánh thất cả trong lẫn ngoài. Đức Chí Tôn ra lệnh cho các Chức sắc tạm ngưng công cuộc truyền Đạo ở Lục tỉnh, để về chung lo cho ngày Đại Lễ, để Đạo Cao Đài chánh thức ra mắt trước các cấp Chánh quyền thuộc địa Pháp, ra mắt quốc dân và các dân tộc trên thế giới.

Theo chương trình, đại lễ Khai Đạo tiến hành trong ba ngày ba đêm, từ Thứ Năm 18 đến hết Thứ Bảy 20-11-1926 (14, 15, và 16-10 Bình Dàn).

-Lễ tân phong các chức sắc đầu tiên của đạo Cao Đài diễn ra vào giờ Tý đêm Thứ Năm 18 rạng Thứ Sáu 19-11-1926 (đêm 14 rạng 15-10 Bình Dàn) trong chánh điện thánh thất Thiên Lâm.

-Đêm Thứ Bảy 20-11-1926, trong đàn cơ tại chánh điện thánh thất Thiên Lâm, Đức Chí Tôn ban *Pháp Chánh Truyền*, quy định tám phẩm chức sắc Cửu Trùng Đài, từ phẩm cao nhất là Giáo Tông cho tới phẩm thứ tám là Lễ Sanh. Đêm sau, Đức Chí Tôn quy định về việc công cử chức sắc từ phẩm Lễ Sanh lên tới Giáo Tông.

Vì dòng người từ các nơi vẫn không ngớt đổ về thánh thất Thiên Lâm, nên thay vì ba ngày ba đêm, cuộc lễ phải kéo dài đến ba tháng. Trong ba tháng đó có nhiều sự kiện quan trọng.

1. Giáo Tông Vô Vi là Đức Lý Thái Bạch

Vâng lệnh Đức Chí Tôn, Đức Lý Thái Bạch nhận trọng trách Giáo Tông Vô Vi từ Thứ Hai 29-11-1926.

2. Tân Luật

Thứ Hai 06-12-1926, Đức Chí Tôn dạy các vị tiên khai phải thường trực nơi thánh thất Thiên Lâm để lập Tân Luật, gồm ba phần:

- *Tịnh Thất Luật*, quy định về tu tịnh;
- *Đạo Pháp Luật*, quy định về việc cai trị trong đạo Cao Đài.

- *Thế Luật*, quy định về đời sống tín đồ.

Chúng ta đọc bài Thánh Ngôn sau đây trích trong TNHT để thấy rõ tầm quan trọng của ngày Lễ Khai Đạo:

Ngày thứ bảy 12-8-Bính Dần (18.9.1926).

NGỌC HOÀNG THUẬN ĐỂ viết

Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương.

"Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con, biết à!

Thầy lại qui Tam giáo lập Tân Luật, trong rằm tháng 10 có Đại Hội cả Tam giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!

Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng nơi ấy mà xuất hiện ra, rõ à!

Thầy nhập ba Chi làm một là chủ ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy làm Cha chưởng quản, hiểu à!

Từ đây trong nước Nam duy có một đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à!

Thầy buộc các con phải hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à! Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy, các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe phân phái là điều đại tội trước mắt Thầy, nghe à!

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo trong Đại Hội."

Ngày Đại Lễ Khai Đạo là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử tiến hóa của nhơn loại trên quả Địa cầu này, vì nó báo cho nhơn loại biết một thời kỳ tiến hóa mới bắt đầu. Cho nên, ngày Khai ĐĐTKPĐ đã được Thiên Thơ tiền định, đó là ngày rằm Hạ nguơn năm Bính Dần.

- Tại sao ngày Khai Đạo phải là rằm Hạ Nguơn mà không là một ngày nào khác? Bởi vì Đạo Cao Đài mở ra để cứu độ nhơn sanh thời Hạ Nguơn mạt kiếp.

- Tại sao phải là năm Bính Dần mà không là một năm nào khác? Bởi vì **khởi đầu một Nguơn là năm Giáp Tý** tức là năm Khai Nguơn (2 chữ Giáp và Tý là khởi đầu của Thập Thiên Can và Thập nhị Địa chi), kế đó là Ất Sửu, rồi Bính Dần, tương hợp với câu: *Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần.*

Khai Đạo để phổ độ nhơn sanh nên phải khai vào năm Bính Dần, sau năm Khai Nguơn.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn đã có nói:

*Ký thành một cuốn gọi Thiên Thơ,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.*

* Việc lựa chọn nước VN, một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc, để Đức Chí Tôn khai Đạo, rồi từ đó, nên Đại Đạo truyền bá ra khắp hoàn cầu, đã được chư Tiên, Phật nơi Ngọc Hư Cung quyết định từ trước. Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn có dạy rõ:

*"Vốn Thầy tạo lập nên Chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các con vì biết Đạo là quý thì phải ân cần thận trọng. **Đợi đến ngày thành tựu, các con mới thấy rõ Thiên cơ thì chừng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đặng?** vì mỗi việc khó khăn trắc trở là lúc sơ khai."* (TNHT)

"Thầy vì đức háo sanh, nên chẳng kể bực Chí Tôn cầm quyền thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc Hạ Nguyên này mà vớt sanh linh khỏi vòng khổ hải." (TNHT)

"ĐĐTKPĐ chiếu theo luật Thiên đình, Hội Tam Giáo, mở rộng mối Đạo Trời, ấy cốt để diu dắt nhơn sanh bước lên con đường Cực Lạc, tránh khỏi đọa luân hồi." (TNHT)

" Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả Địa cầu 68 này đặng vậy." (TNHT)

Trong Đại Lễ Khai Đạo ngày 15-10-Bính Dần, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt thay mặt Hội Thánh mời đủ các quan chức cao cấp của nhà cầm quyền Pháp tại Nam Kỳ, các Chủ nhiệm và ký giả các báo chí ở Sài Gòn, đông đảo nhân sĩ trí thức, đến tham dự Đại Lễ Khai Đạo tổ chức rất long trọng tại Thánh Thất tạm là chùa Gò Kén Tây Ninh.

Hội Thánh được Đức Chí Tôn dạy bảo, sắp đặt, phân trách nhiệm, nên tổ chức tiếp đãi các quan khách rất ân cần và nồng hậu. Bồn đạo và chư thiện nam tín nữ từ khắp các nơi trong nước đổ dồn về dự lễ rất đông, ngoài sức tưởng tượng của chánh quyền Đờ. Đặc biệt trong ngày Đại Lễ này, Hội Thánh chỉ thu nhận những cúng phẩm như trái cây, bông, trà, nhang đèn, không thu nhận tiền bạc hỷ cúng.

Đại Lễ Khai Đạo đã gây được một tiếng vang rất lớn đối với toàn cả Nam Kỳ, đối với nước Pháp và đối với quốc tế nữa. Nhiều tờ báo ở Sài Gòn, chữ Việt và chữ Pháp, đều có bài tường thuật tỉ mỉ Đại Lễ Khai Đạo, với nhiều hình ảnh kèm theo, rồi báo chí bên nước Pháp cũng đăng tiếp theo, gây được sự chú ý trên trường quốc tế.

KHAI ĐẠO LÀ GÌ?

ĐẠO là gì? Chữ Đạo là một danh từ chẳng thể giải thích, nó mô tả một cách không vẹn toàn cái thực thể thâm diệu. Thực thể ấy bất tiêu bất diệt, không có khởi thủy, không có hồi chung cuộc, chẳng biến hình biến dạng. Thế tại sao có ngày Khai Đạo ?

Khai 開 nghĩa là mở ra, khởi đầu, tức là thành lập (to establish, to found). Khai đạo 開道 là thành lập một tôn giáo (to found a religion).

Ngày Khai Đạo 15/10 Bính Dần là ngày thành lập Cao Đài giáo (Caodai Foundation Day).

Còn ngày 23 tháng 8 là ngày Khai tịch Đạo trên bình diện pháp lý thế gian.

Khai tịch là bước chuẩn bị cho đại lễ Khai Đạo ra mắt nền tôn giáo mới thành lập ở Việt Nam và sẽ phổ truyền ra toàn thế giới.

III. KỶ NGUYÊN ĐẠO LỊCH

Đạo lịch là niên lịch của Đạo Cao Đài tức là niên lịch của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Muốn tính Đạo lịch, chúng ta phải xác định kỷ nguyên của Đạo lịch là năm nào hay là ngày nào. Kỷ nguyên là năm hay ngày khởi đầu tính Đạo lịch.

- **Phật lịch (Lịch của Phật giáo) lấy kỷ nguyên là năm Đức Phật Thích Ca tịch diệt.**

Theo kinh sách ghi chép lại thì Phật nhập Niết bàn vào ngày rằm tháng 2 âm lịch năm **544 TCN**.

$2023 + 544 = 2567$. Vậy, Phật lịch năm nay là năm 2567

- **Công lịch (Lịch của Thiên Chúa giáo, cũng là Dương lịch) lấy kỷ nguyên là năm Giáng sinh của Đức Chúa Jêsus.**

- Đạo Cao Đài, tức ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, kỷ nguyên của Đạo lịch là năm nào hay ngày nào? Kỷ nguyên của Đạo lịch:

- hoặc là lấy ngày 15-10-Bính Dần là ngày Đại Lễ Khai Đạo;

- hoặc lấy năm Bính Dần là năm Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài.

Chúng ta đã thấy, mỗi năm vào ngày 15 tháng 10 âm, trong Sớ văn thượng tấu, Đạo lịch tăng thêm 1 năm. Điều này có nghĩa là Hội Thánh đang dùng ngày 15-10-Bính Dần làm kỷ nguyên Đại Đạo. Chúng ta có Bảng Đạo lịch sau đây:

ĐẠO LỊCH	ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH
Năm Đạo 1	từ 15-10-Bính Dần đến 14-10-Đinh Mão	từ 19-11-1926 đến 08-11-1927
Năm Đạo 2	từ 15-10-Đinh Mão đến 14-10-Mậu Thìn	từ 09-11-1927 đến 25-11-1928
Năm Đạo 3	từ 15-10-Mậu Thìn đến 14-10-Kỷ Ty	từ 26-11-1928 đến 14-11-1929

Năm Đạo 4	từ 15-10-Kỷ Ty đến 14-10-Canh Ngọ	từ 15-11-1929 đến 03-12-1930
Năm Đạo 5	từ 15-10-Canh Ngọ đến 14-10-Tân Mùi	từ 04-12-1930 đến 23-11-1931
Năm Đạo 6	từ 15-10-Tân Mùi đến 14-10-Nhâm Thân	từ 24-11-1931 đến 11-11-1932
Năm Đạo 7	từ 15-10-Nhâm Thân đến 14-10-Qúy Dậu	từ 12-11-1932 đến 01-12-1933
Năm Đạo 8	từ 15-10-Qúy Dậu đến 14-10-Giáp Tuất	từ 02-12-1933 đến 20-11-1934
Năm Đạo 9	từ 15-10- Giáp Tuất đến 14-10-Ất Hợi	từ 21-11-1934 đến 09-11-1935
Năm Đạo 10	từ 15-10-Ất Hợi đến 14-10-Bính Tý	từ 10-11-1935 đến 27-11-1936
Năm Đạo 11	từ 15-10-Bính Tý đến 14-10-Đinh Sửu	từ 28-11-1936 đến 16-11-1937
Năm Đạo 12	từ 15-10-Đinh Sửu đến 14-10-Mậu Dần	từ 17-11-1937 đến 05-12-1938
Năm Đạo 13	từ 15-10-Mậu Dần đến 14-10-Kỷ Mão	từ 06-12-1938 đến 24-11-1939
Năm Đạo 14	từ 15-10-Kỷ Mão đến 14-10- Canh Thìn	từ 25-11-1939 đến 13-11-1940
Năm Đạo 15	từ 15-10- Canh Thìn đến 14-10-Tân Ty	từ 14-11-1940 đến 02-12-1941

Năm Đạo 16	từ 15-10-Tân Ty đến 14-10-Nhâm Ngọ	từ 03-12-1941 đến 21-11-1942
Năm Đạo 17	từ 15-10-Nhâm Ngọ đến 14-10- Quý Mùi	từ 22-11-1942 đến 11-11-1943
Năm Đạo 18	từ 15-10- Quý Mùi đến 14-10- Giáp Thân	từ 12-11-1943 đến 29-11-1944
Năm Đạo 19	từ 15-10- Giáp Thân đến 14-10- Ất Dậu	từ 30-11-1944 đến 18-11-1945
Năm Đạo 20	từ 15-10- Ất Dậu đến 14-10- Bính Tuất	từ 19-11-1945 đến 07-11-1946
Năm Đạo 21	từ 15-10- Bính Tuất đến 14-10- Đinh Hợi	từ 08-11-1946 đến 26-11-1947
Năm Đạo 22	từ 15-10- Đinh Hợi đến 14-10-Mậu Tý	từ 27-11-1947 đến 14-11-1948
Năm Đạo 23	từ 15-10-Mậu Tý đến 14-10-Kỷ Sửu	từ 15-11-1948 đến 03-12-1949
Năm Đạo 24	từ 15-10-Kỷ Sửu đến 14-10-Canh Dần	từ 04-12-1949 đến 23-11-1950
Năm Đạo 25	từ 15-10-Canh Dần đến 14-10-Tân Mão	từ 24-11-1950 đến 12-11-1951
Năm Đạo 26	từ 15-10-Tân Mão đến 14-10- Nhâm Thìn	từ 13-11-1951 đến 30-11-1952
Năm Đạo 27	từ 15-10-Nhâm Thìn đến 14-10-Quý Ty	từ 01-12-1952 đến 20-11-1953

Năm Đạo 28	từ 15-10-Quý Ty đến 14-10-Giáp Ngọ	từ 21-11-1953 đến 09-11-1954
Năm Đạo 29	từ 15-10- Giáp Ngọ đến 14-10-Ất Mùi	từ 10-11-1954 đến 27-11-1955
Năm Đạo 30	từ 15-10-Ất Mùi đến 14-10-Bính Thân	từ 28-11-1955 đến 16-11-1956
Năm Đạo 31	từ 15-10-Bính Thân	từ 17-11-1956
.....
Năm Đạo 65	từ 15-10- Canh Ngọ đến 14-10-Tân Mùi	từ 31-12-1990 đến 19-11-1991
Năm Đạo 66	từ 15-10-Tân Mùi đến 14-10-Nhâm Thân	từ 20-11-1991 đến 08-11-1992
Năm Đạo 67	từ 15-10-Nhâm Thân đến 14-10-Quý Dậu	từ 09-11-1992 đến 27-11-1993
Năm Đạo 68	từ 15-10-Quý Dậu đến 14-10-Giáp Tuất	từ 28-11-1993 đến 16-11-1994
Năm Đạo 69	từ 15-10-Giáp Tuất đến 14-10-Ất Hợi	từ 17-11-1994 đến 05-12-1995
Năm Đạo 70	từ 15-10-Ất Hợi đến 14-10-Bính Tý	từ 06-12-1995 đến 24-11-1996
Năm Đạo 71	từ 15-10-Bính Tý đến 14-10-Đinh. Sửu	từ 25-11-1996 đến 13-11-1997

Năm Đạo 72	từ 15-10-Đinh Sửu đến 14-10-Mậu Dần	từ 14-11-1997 đến 02-12-1998
Năm Đạo 73	từ 15-10-Mậu Dần đến 14-10-Kỷ Mão	từ 03-12-1998 đến 21-11-1999
Năm Đạo 74	từ 15-10-Kỷ Mão đến 14-10-Canh Thìn	từ 22-11-1999 đến 09-11-2000
Năm Đạo 75	từ 15-10-Canh Thìn đến 14-10-Tân Ty	từ 10-11-2000 đến 28-11-2001
Năm Đạo 76	từ 15-10-Tân Ty đến 14-10-Nhâm Ngọ	từ 29-11-2001 đến 11. 2002
Năm Đạo 77	từ 15-10- NHÂM NGỌ đến 14-10- QUÝ MÙI	từ 11-2002 đến 11.2003
Năm Đạo 78	từ 15-10- QUÝ MÙI đến 14-10- GIÁP THÂN	từ 11-2003 đến 11.2004
Năm Đạo 79	từ 15-10- GIÁP THÂN đến 14-10- ÁT DẬU	từ 11-2004 đến 11.2005
Năm Đạo 80	từ 15-10- ÁT DẬU đến 14-10- BÌNH TUẤT	từ 11-2005 đến 11.2006
Năm Đạo 81	từ 15-10- BÌNH TUẤT đến 14-10- ĐINH HỢI	từ 11-2006 đến 11.2007
Năm Đạo 82	từ 15-10- ĐINH HỢI đến 14-10- MẬU TÝ	từ 11-2007 đến 11/ 2008
Năm Đạo 83	từ 15-10- MẬU TÝ đến 14-10- KỶ SỬU	từ 11-2008 đến 11/2009

Năm Đạo 84	từ 15-10- KỶ SỬU đến 14-10- CANH DẦN	từ 11-2009 đến 11/2010
Năm Đạo 85	từ 15-10- CANH DẦN đến 14-10- TÂN MÃO	từ 11-2010 đến 11/2011
Năm Đạo 86	từ 15-10- TÂN MÃO đến 14-10- NHÂM THÌN	từ 11-2011 đến 11/ 2012
Năm Đạo 87	từ 15-10- NHÂM THÌN đến 14-10- QUÝ TỶ	từ 11-2012 đến 11/ 2013
Năm Đạo 88	từ 15-10- QUÝ TỶ đến 14-10- GIÁP NGỌ	từ 11-2013 đến 11/ 2014
Năm Đạo 89	từ 15-10- GIÁP NGỌ đến 14-10- ẤT MÙI	từ 11-2014 đến 11/ 2015
Năm Đạo 90	từ 15-10- ẤT MÙI đến 14-10- BÍNH THÂN	từ 11-2015 đến 11/ 2016
Năm Đạo 91	từ 15-10- BÍNH THÂN đến 14-10- ĐINH DẬU	từ 11-2016 đến 11/ 2017
Năm Đạo 92	từ 15-10- ĐINH DẬU đến 14-10- MẬU TUẤT	từ 11-2016 đến 11/ 2017
Năm Đạo 93	từ 15-10- MẬU TUẤT đến 14-10- KỶ MÙI	từ 11-2017 đến 11/ 2018
Năm Đạo 94	từ 15-10- KỶ MÙI đến 14-10- CANH THÂN	từ 11-2018 đến 11/ 2019
Năm Đạo 95	từ 15-10- CANH THÂN đến 14-10- TÂN DẬU	từ 11-2019 đến 11/ 2020

Năm Đạo 96	từ 15-10- NHÂM TUẤT đến 14-10- QUÝ HỢI	từ 11-2020 đến 11/ 2021
Năm Đạo 97	từ 15-10- QUÝ HỢI đến 14-10- GIÁP TÝ	từ 11-2021 đến 11/ 2022
Năm Đạo 98	từ 15-10- GIÁP TÝ đến 14-10- ẤT SỬU	từ 11-2022 đến 11/ 2023
Năm Đạo 99	từ 15-10- ẤT SỬU đến 14-10- BÍNH DẦN	từ 11-2023 đến 11/ 2024
Năm Đạo 100	từ 15-10- BÍNH DẦN đến 14-10- ĐINH MÃO	từ 11-2024 đến 11/ 2025

Chú ý: Dương lịch: Thứ 2, ngày 27/11/2023

Âm lịch: 15/10/ Quý Mão - Hành HỎA

- Ngày Kỷ Sửu, tháng Quý Hợi, năm Quý Mão

Dương lịch: Thứ 6, ngày 15/11/2024

Âm lịch: 15/10/ Giáp Thìn - Hành MỘC

-Ngày Quý Mùi, tháng Ất Hợi, năm Giáp Thìn

Dương lịch: Thứ 5, ngày 04/12/2025

Âm lịch: 15/10/ Ất Ty - Hành THỦY

-Ngày Đinh Mùi, tháng Đinh Hợi, năm Ất Ty

Nhận xét: Qua Bảng kê Đạo lịch trên, chúng ta nhận thấy mỗi năm có 2 Đạo lịch: đầu năm Đạo lịch khác và cuối năm Đạo lịch khác, mà ranh giới phân chia là ngày 15 tháng 10.

Do đó, cách tính Đạo lịch này có phần rắc rối phức tạp.

ĐỀ NGHỊ LẤY NĂM BÍNH DẦN (NĂM KHAI ĐẠO) LÀM KỶ NGUYÊN ĐẠO LỊCH

Dương lịch là loại lịch được tính theo chu kỳ thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, khoảng thời gian Trái Đất quay một vòng quanh Mặt Trời hết 365,2422 ngày (tức 365 ngày- 5 giờ- 48 phút- 46 giây) .Để dễ dàng cho việc tính toán, người ta tính chẵn một năm có 365 ngày với 12 tháng. Vì 365 ngày không chia hết cho 12 tháng nên trong một năm có tháng đủ (31 ngày) cũng có tháng thiếu (30 ngày). Đặc biệt riêng tháng 2 chỉ có 28 ngày. Nhiều người thắc mắc rằng còn dư 5 giờ 48 phút 46 giây thì tính sao? Trong 4 năm tiếp theo, số dư đó sẽ tạo thành một ngày, được cộng vào tháng 2. Vậy là cứ bốn năm lại có một năm nhuận (366 ngày) và tháng 2 của năm nhuận có 29 ngày.

Ở nước ta, người dân sử dụng âm lịch trong đời sống văn hóa tâm linh, lễ hội.

Theo HT Nguyễn văn Hồng, để cách tính đơn giản và mỗi năm chỉ có một Đạo lịch mà thôi nên chọn kỷ nguyên Đạo lịch là năm Bính Dần.

Việc làm này giống như: Đức Phật Thích Ca tịch diệt ngày 15 tháng 2 nhưng vẫn lấy năm tịch diệt này làm kỷ nguyên Phật lịch; Đức Chúa Jêsu Giáng sinh ngày 25 tháng 12, nhưng vẫn lấy năm Giáng sinh làm kỷ nguyên Công lịch.

Khi lấy kỷ nguyên Đạo lịch là năm Bính Dần thì:

- Năm Bính Dần, 1926, Đạo lịch 1 (Đệ nhất niên).
- Năm Đinh Mão, 1927, Đạo lịch 2 (Đệ nhị niên).
- Năm Mậu Thìn, 1928, Đạo lịch 3 (Đệ tam niên).

Nếu chọn như thế thì mừng 1 Tết mỗi năm mới tăng Đạo lịch lên 1 năm. Ta có Bảng kê sau đây:

ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH	ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH
Bính Dần	1926	1	Bính Tý	1936	11
Đinh Mão	1927	2	Đinh Sửu	1937	12
Mậu Thìn	1928	3	Mậu Dần	1938	13
Kỷ Ty	1929	4	Kỷ Mão	1939	14
Canh Ngọ	1930	5	Canh Thìn	1940	15
Tân Mùi	1931	6	Tân Ty	1941	16
Nhâm Thân	1932	7	Nhâm Ngọ	1942	17
Quý Dậu	1933	8	Quý Mùi	1943	18
Giáp Tuất	1934	9	Giáp Thân	1944	19

Ất Hợi	1935	10	Ất Dậu	1945	20
--------	------	----	--------	------	----

ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH	ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH
Bính Tuất	1946	21	Bính Thân	1956	31
Đinh Hợi	1947	22	Đinh Dậu	1957	32
Mậu Tý	1948	23	Mậu Tuất	1958	33
Kỷ Sửu	1949	24	Kỷ Hợi	1959	34
Canh Dần	1950	25	Canh Tý	1960	35
Tân Mão	1951	26	Tân Sửu	1961	36
Nhâm Thìn	1952	27	Nhâm Dần	1962	37
Quý Ty	1953	28	Quý Mão	1963	38
Giáp Ngọ	1954	29	Giáp Thìn	1964	39
Ất Mùi	1955	30	Ất Ty	1965	40

ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH	ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH
Bính Ngọ	1966	41	Bính Thìn	1976	51
Đinh Mùi	1967	42	Đinh Ty	1977	52

Mậu Thân	1968	43	Mậu Ngọ	1978	53
Kỷ Dậu	1969	44	Kỷ Mùi	1979	54
Canh Tuất	1970	45	Canh Thân	1980	55
Tân Hợi	1971	46	Tân Dậu	1981	56
Nhâm Tý	1972	47	Nhâm Tuất	1982	57
Quý Sửu	1973	48	Quý Hợi	1983	58
Giáp Dần	1974	49	Giáp Tý	1984	59
Ất Mão	1975	50	Ất Sửu	1985	60

ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH	ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	ĐẠO LỊCH
Bính Dần	1986	61	Bính Tý	1996	71
Đinh Mão	1987	62	Đinh Sửu	1997	72
Mậu Thìn	1988	63	Mậu Dần	1998	73
Kỷ Ty	1989	64	Kỷ Mão	1999	74
Canh Ngọ	1990	65	Canh Thìn	2000	75
Tân Mùi	1991	66	Tân Ty	2001	76
Nhâm Thân	1992	67	Nhâm Ngọ	2002	77

Quý Dậu	1993	68	Quý Mùi	2003	78
Giáp Tuất	1994	69	Giáp Thân	2004	79
Ất Hợi	1995	70	Ất Dậu	2005	80

CÁCH TÌM NĂM ĐẠO TƯƠNG ỨNG VỚI NĂM DƯƠNG LỊCH:

Công thức: **Năm Dương lịch - 1925 = Năm Đạo**

Thí dụ: Năm 2000 tương ứng với Năm Đạo thứ mấy?

Đáp: $2000 - 1925 = 75$. Năm Đạo thứ 75.

Thí dụ: Năm 2025 tương ứng với Năm Đạo thứ mấy?

Đáp: $2025 - 1925 = 100$ Năm Đạo thứ 100

Việc chọn ngày 1-1-Bính Dần làm kỷ nguyên Đạo lịch rất hợp lý, vì hai lý do sau đây:

Lý do thứ nhất:

Ngày 1-1-Bính Dần, Đức Chí Tôn đã chánh thức thân được 12 môn đệ, và trước giờ Giao thừa, Đức Chí Tôn đi thăm các môn đệ nơi tư gia, khi đến nhà mỗi môn đệ Đức Chí Tôn cho một bài thi 4 câu. Đến giờ Giao thừa, Đức Chí Tôn giảng cơ cho bài Thánh giáo đầu tiên dạy các môn đệ khởi đi truyền Đạo cứu độ nhơn sanh.

Trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, trang 17, có chép như sau:

"Tái cầu lại, nhằm 11 giờ khuya, giờ Tý năm Bính Dần, Thượng Đế dạy rằng:

Chư đệ tử nghe: CHIÊU buổi trước hứa lời truyền Đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, dùi dất cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó.

TRUNG, Kỳ, HOÀI, ba con phải lo thay mặt cho CHIÊU mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

BẢN, SANG, GIẢNG, QUÍ lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

ĐỨC tập cơ, HẬU tập cơ, sau theo mấy anh đặng độ người. Nghe và tuân theo.

Ấy là lời Thánh giáo đầu tiên. Ấy là **kỷ niệm ngày Khai Đạo mồng 1 giờ Tý năm Bính Dần** vậy."

Qua đến ngày mùng 9 tháng giêng năm Bính Dần, Đức Chí Tôn mới ban cho bài thi bốn câu có tên của 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn mà chúng ta đã biết.

Tên 12 môn đệ trong bài thi đó là: CHIÊU, KỶ, TRUNG, HOÀI, BẢN, SANG, QUÍ, GIẢNG, HẬU, ĐỨC, TẮC, CU.

Lý do thứ hai:

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, ngày mùng 1 Tết năm Đinh Mão, Đức Chí Tôn giảng cơ kiểm điểm một năm truyền Đạo, độ được hơn 40 000 người theo Đạo.

Như thế, chúng ta mặc nhiên thấy rằng, **ngày thực tế Đức Chí Tôn mở Đạo và truyền Đạo là ngày mùng 1 Tết năm Bính Dần. Còn ngày 15-10-Bính Dần chỉ là ngày làm lễ chính thức ra mắt quốc dân và quốc tế, sự hiện hữu của Đạo Cao Đài.**

Sau đây, xin chép lại bài Thánh ngôn đêm giao thừa, rạng ngày mùng 1 Tết Đinh Mão (1927):

"Các con . . . Mừng các con.

TRUNG, CU, TẮC, mấy con nhớ đêm nay năm rồi thế nào? Còn nay thế nào chăng? TRỊNH THỊ ÁI NỮ, HIẾU, hai con đã thấy Thầy giữ lời hứa thế nào chăng?

Thầy lập Đạo năm rồi ngày này thì môn đệ của Thầy chỉ có 12 đứa, mà 4 đứa đã rơi vào tay Chúa Quí, chỉ còn lại 8. Trong 8 đứa thì lại còn một đôi đứa biếng nhác mà không hành đạo.

Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật thiết lớn giảng thế đi nữa, cũng chưa có phương chi độ hơn bốn muôn sanh linh nhờ tay có 6 đứa môn đệ trong một năm cho đặng bao giờ.

Thầy vui mừng, Thầy khen tặng hết thầy bốn muôn môn đệ của Thầy.

...Thầy ban ơn trọn cả các con, dầu không có mặt tại đây cũng vậy. Thầy giở cơ lên, các con đều chun ngang qua cho Thầy ban Phép lành. Thầy cầu cho các con đặng ngoan đạo như THỔ vậy, sửa mình cho nên chí Thánh. Vì Đạo năm nay sẽ rõ thấu hoàn cầu, môn đệ tăng thêm hằng hà sa số, phận sự các con lại càng nặng nề hơn nữa. Nhưng các con nhớ biết thương Thầy, mà hể thương Thầy thì ắt thương Đạo, mà hể thương Đạo thì thương hết chúng sanh. **Các con biết Thầy là trọng thì biết trọng Đạo, mà hể trọng Đạo thì cũng phải trọng cả chúng sanh."**

Qua bài Thánh ngôn này, chúng ta thấy gì?

Đức Chí Tôn tổng kết một năm khai Đạo, phong thưởng và khen ngợi những Chức sắc có công, ban Phép lành cho toàn cả môn đệ. Đây là ngày kỷ niệm đệ nhất chu niên Khai Đạo.

Chúng ta thấy rõ năm Bính Dần chính là Năm Đạo thứ 1 của Đạo Cao Đài, tức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KẾT LUẬN:

Kỷ nguyên của Đạo Cao Đài thực sự là ngày 1-1-Bính Dần. Ngày này tương ứng với ngày dương lịch là: 13-2-1926.

Khi đến mừng 1 Tết âm lịch, Năm Đạo tăng thêm 1.

NĂM	BÍNH DẦN,	1926,	ĐẠO LỊCH 1	(ĐỆ NHỨT NIÊN)
	Đinh Mão,	1927,	Đạo lịch 2	(Đệ nhị niên)
	Mậu Thìn,	1928,	Đạo lịch 3	(Đệ tam niên)
			
	Kỷ Mão,	1999,	Đạo lịch 74	(Thất thập tứ niên)
	Canh Thìn,	2000,	Đạo lịch 75	(Thất thập ngũ niên)
	Tân Ty,	2001,	Đạo lịch 76	(Thất thập lục niên)
	Nhâm Ngọ,	2002,	Đạo lịch 77	(Thất thập thất niên)

Muốn tính Năm Đạo tương ứng với năm dương lịch, chúng ta lấy năm dương lịch, trừ số 1925.

Năm dương lịch - 1925 = Năm Đạo.

Thí dụ: Năm 1955 Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh tương ứng với Năm Đạo thứ mấy?

Đáp: 1955 - 1925 = 30. Năm Đạo 30 (Đệ tam thập niên)

Bài viết đăng lên để rộng đường dư luận. Chư vị suy nghĩ và chờ ngày có QUYỀN VẠN LINH THẬT SỰ lựa chọn và quyết định.

Riêng trong kinh dâng trà Hội thánh Tây Ninh ban hành từ năm 1929:

*Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương,
Kính lễ thành tâm hiến bửu tương.
Ngưỡng vọng Từ bi gia tế phước,
KHAI MINH ĐẠI ĐẠO hộ thanh bường.*

LƯU Ý bốn chữ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

Theo tác giả Huệ Khải, Khai minh 開明 (to enlighten) là làm cho sáng tỏ, giúp mọi người hiểu biết, không còn u tối, vô minh.

Khai minh Đại đạo 開明大道 là làm cho mọi người biết tới tôn giáo Cao Đài, tức là Đại đạo Tam kỳ Phổ độ.

Về phương diện thế sự, mỗi một tổ chức bất kỳ sau khi thành lập (foundation) đều có một nghi thức ra mắt để giới thiệu những vị chức trách (inauguration). Tôn giáo Cao Đài cũng vậy. Vậy, chúng ta phân biệt rõ giữa ngày Khai tịch Đạo (Caodai Foundation Day) và ngày Đại lễ Khai Đạo (Caodai Inauguration Day).

KẾT LUẬN

Tín đồ cần ghi nhớ ba ngày kỷ niệm chính của tôn giáo CAO ĐÀI:

NGÀY LẬP TỜ KHAI ĐẠO (khai tịch) 23. 8 BÍNH DẦN (29/9/1926)

NGÀY ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO 15.10 BÍNH DẦN (19/11/1926)

NGÀY KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH TÂY NINH 9.1 ÁT MÙI (1/2/1955)

Gọi Tòa Thánh Tây Ninh là Tổ Đình, vì đây là nơi phát xuất của Đạo Cao Đài, là nơi đặt các cơ quan trung ương của Hội Thánh Cao Đài, tức Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để điều hành toàn bộ các hoạt động truyền giáo và cứu độ nhơn sanh.

Tòa Thánh được khởi công xây dựng từ năm 1931 (Tân Mùi), hoàn thành vào năm 1947 (Đinh Hợi), và được khánh thành vào dịp Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn ngày mừng 9 tháng Giêng năm Ất Mùi (1-2-1955).

Phần trên chúng ta nói về thể pháp, còn Đạo là cái gốc phát sanh sự sống của muôn loài, tuôn tràn đến các cảnh giới siêu phàm và vào trong từng diễn biến của các hiện tượng trong đời sống của Vạn linh. Chữ Đạo vì vậy có vô vàn nghĩa lý khác nhau. Ở đây chúng ta tìm hiểu một khía cạnh nhỏ của vấn đề Khai Đạo và Khai Tâm.

Cái lẽ thâm diệu trong trời đất gọi là Đạo, nhưng cách hướng dẫn người đời nên Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng gọi là Đạo. Với ý nghĩa này, Đạo có khi hiệu nghiệm, có khi không hiệu nghiệm. Cách hướng dẫn ấy khi thịnh khi suy nên người đời mới gọi là khai Đạo và bế Đạo . Vậy, hình tướng thay đổi mà nội dung vẫn như nhiên, sự thất kỳ truyền chẳng phải do nơi đạo pháp mà chính tại lòng người. Chính Đức Chí Tôn đã minh giải điều ấy.

" Nguyên từ buổi bế Đạo, tuy chánh pháp ra cũ mặc dầu, chớ kỳ trung thọ đắc kỳ truyền. Luật lệ tuy cũ chớ Đạo vẫn như nhiên. Do công đức mà đắc Đạo cùng chẳng ..."

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q I, trang 38)

Kỷ niệm ngày khai Đạo không phải là một đề tài suy gẫm về cái vẻ ồn ào náo nhiệt của một ngày đại hội, cũng không phải là một sự hồi tưởng về quang cảnh ngày này, năm xưa mà là sự suy gẫm về cái

lý diệu huyền của nó. **Kinh điển chứa đầy dầu mà vẫn chưa thoát tục, đó là lời cảnh cáo nghiêm trang của Thiêng Liêng với chúng ta khi còn lặn hụp trong vòng thế pháp của Tam Kỳ Phổ Độ.**

Chính tâm linh của chúng ta đang bị đóng kín lại và không ngộ được Đạo. Lập Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn trao cho chúng ta cái chìa khóa để tự mình mở nó ra với sự giúp đỡ của Ngài. Đó là sự khai tâm và khi tâm khai mở thì tức khắc ngộ được Đạo, nên khai tâm cũng là khai Đạo. Nhưng muốn khai Tâm không phải dễ.

Mọi sự gì diễn ra trước mặt đều là một bài học cho chúng ta, cho chúng ta biết tụy Càn khôn vũ trụ mệnh mông nhưng đều diễn tiến theo QUY LUẬT: luật TIẾN HÓA, luật LUÂN HỒI & NHÂN QUẢ..v.v.

Ngày khai Đạo diễn ra với bao nhiêu cảnh tượng huy hoàng, ...nhưng tất cả chỉ là cảnh chết nếu thật sự tâm linh của chúng ta không sống theo. Những lời ca tụng về ngày khai Đạo của chúng ta chỉ là nét vẽ vờ về cái hình tướng của Đạo, chưa phải là một sự sống thực với Đạo. Phải thực sự mở rộng lòng mình, yêu thương một cách chân thành không so đo tính toán, không có kẻ thù, không có đối tượng tranh đấu nhằm triệt hạ mới đúng là học đòi theo sự thương yêu của Chí Tôn, Phật Mẫu và đó là khai tâm vậy. Có được như thế thì ngày khai Đạo mới thật sự Khai Đạo, bằng không thì đó chỉ là một ngày Đại Lễ.

(theo Luận Đạo của Nguyễn Long Thành)